

LỊCH THỰC HÀNH KHOA CƠ KHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020 (Tuần từ 25/05 đến 31/05/2020)

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Môn	HK	Tuần	SL SV	N	Giáo viên dạy	Ngày thực hiện	BM	Ngày học/Ca học - Phòng học														Ghi chú
												Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		CN		
												Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	
1	ĐH	12	20192ME6037001	TH CNC	2	41	30	-	N.V.ĐỨC	25/05-31/05	CN	Ca 1	Tầng1-A10													TT Hồng Hải
2	ĐH	12	20192ME6037002	TH CNC	2	41	30	-	N.T.MAI	25/05-31/05	CN	Ca 3	Tầng1-A10													TT Hồng Hải
3	ĐH	12	20192ME6037003	TH CNC	2	41	30	-	N.T.MAI	25/05-31/05	CN	Ca 2	Tầng1-A10													TT Hồng Hải
4	ĐH	12	20192ME6037005	TH CNC	2	41	30	-	N.V. CẢNH	25/05-31/05	CN	Ca 1	Tầng1-A10													TT Hồng Hải
5	ĐH	12	20192ME6037006	TH CNC	2	41	30	-	V.Đ. TOÀN	25/05-31/05	CN	Ca 3	Tầng1-A10													TT Hồng Hải
6	ĐH	12	20192ME6037009	TH CNC	2	41	30	-	N.V.ĐỨC	25/05-31/05	CN							Ca 1	Tầng1-A10							TT Hồng Hải
7	ĐH	12	20192ME6037011	TH CNC	2	41	30	-	N.V.ĐỨC	25/05-31/05	CN							Ca 2	Tầng1-A10							TT Hồng Hải
8	ĐH	12	20192ME6037013	TH CNC	2	41	30	-	N.V. QUÊ	25/05-31/05	CN							Ca 1	Tầng1-A10							TT Hồng Hải
9	ĐH	12	20192ME6037015	TH CNC	2	41	30	-	N.V. QUÊ	25/05-31/05	CN							Ca 2	Tầng1-A10							TT Hồng Hải
10	ĐH	12	20192ME6037017	TH CNC	2	41	30	-	Đ.N.HOÀNH	25/05-31/05	CN					Ca 1	Tầng1-A10									TT Hồng Hải
11	ĐH	12	20192ME6037018	TH CNC	2	41	30	-	N.V.ĐỨC	25/05-31/05	CN					Ca 3	Tầng1-A10									TT Hồng Hải
12	ĐH	12	20192ME6037019	TH CNC	2	41	30	-	Đ.N.HOÀNH	25/05-31/05	CN					Ca 2	Tầng1-A10									TT Hồng Hải
13	ĐH	12	20192ME6037021	TH CNC	2	41	30	-	N.V. QUÊ	25/05-31/05	CN					Ca 1	Tầng1-A10									TT Hồng Hải
14	ĐH	12	20192ME6037023	TH CNC	2	41	30	-	V.Đ. TOÀN	25/05-31/05	CN					Ca 2	Tầng1-A10									TT Hồng Hải
15	CĐ	21	20192ME5034001	CAD-2D	2	41	34	N1	N.T.T.MAI	25/05-31/05	VKT	Ca 2	306-A10	Ca 2	306-A10	Ca 2	307-A10	Ca 2	307-A10	Ca 2	306-A10	Ca 2	306-A10	Ca 1	307-A10	
16	CĐ	21	20192ME5034001	CAD-2D	2	41	34	N2	N.T.T.MAI	25/05-31/05	VKT	Ca 3	306-A10					Ca3	307-A10					Ca 2	307-A10	
17	CĐ	21	20192ME5034004	CAD-2D	2	41	33	N1	T.A.SƠN	25/05-31/05	VKT	Ca 1	307-A10	Ca 1	306-A10	Ca 1	307-A10			Ca 1	307-A10					
18	CĐ	21	20192ME5034004	CAD-2D	2	41	33	N2	T.A.SƠN	25/05-31/05	VKT	Ca 2	307-A10	Ca 2	307-A10	Ca 3	307-A10			Ca 2	307-A10					
19	CĐ	21	20192ME5034002	CAD-2D	2	41	24	N1	H.T.LÂM	25/05-31/05	TTVN					Ca 2	CAD/CAM			Ca 2	CAD/CAM					TT Việt-Nhật
20	CĐ	21	20192ME5034002	CAD-2D	2	41	24	N2	H.T.LÂM	25/05-31/05	TTVN					Ca 3	CAD/CAM					Ca 2	CAD/CAM			TT Việt-Nhật
21	CĐ	21	20192ME5034002	CAD-2D	2	41	25	N3	H.T.LÂM	25/05-31/05	TTVN							Ca 2	CAD/CAM	Ca 3	CAD/CAM					TT Việt-Nhật
22	CĐ	20	20192ME5035004	CAD-3D	2	41	25	N1	N.T.TÙNG	25/05-31/05	TB					Ca 1	306-A10	Ca 1	306-A10	Ca 1	306-A10	Ca 1	306-A10	Ca 1	306-A10	
23	CĐ	20	20192ME5035004	CAD-3D	2	41	25	N2	N.T.TÙNG	25/05-31/05	TB					Ca 2	306-A10	Ca 2	306-A10	Ca 3	306-A10	Ca 3	306-A10	Ca 2	306-A10	
24	CĐ	21	20192ME5016002	CAD	2	41	44	N1	T.A.SƠN	25/05-31/05	VKT							Ca 1	307-A10							
25	ĐH	13	20192ME6027005	NLC	2	41	23	N1	B.T.TÀI	25/05-31/05	TB					Ca2	108-A9									
26	ĐH	13	20192ME6027005	NLC	2	41	23	N2	B.T.TÀI	25/05-31/05	TB					Ca3	108-A9									
27	ĐH	13	20192ME6027005	NLC	2	41	24	N3	N.V.QUẢNG	25/05-31/05	TB					Ca1	108-A9									
28	ĐH	13	20192ME6027006	NLC	2	41	23	N1	N.H.PHẦN	25/05-31/05	TB							Ca2	108-A9							
29	ĐH	13	20192ME6027006	NLC	2	41	23	N2	N.H.PHẦN	25/05-31/05	TB	Ca2	108-A9													
30	ĐH	13	20192ME6027006	NLC	2	41	24	N3	N.H.PHẦN	25/05-31/05	TB	Ca3	108-A9													
31	ĐH	13	20192ME6027007	NLC	2	41	21	N1	T.V.TRỌNG	25/05-31/05	TB					Ca1	108-A9									
32	ĐH	13	20192ME6027007	NLC	2	41	21	N2	T.V.TRỌNG	25/05-31/05	TB					Ca2	108-A9									
33	ĐH	13	20192ME6027007	NLC	2	41	22	N3	T.V.TRỌNG	25/05-31/05	TB					Ca3	108-A9									
34	ĐH	14	20192ME6041005	Vật liệu học	2	41	35	N1	Đ.N.TÚ	25/05-31/05	TB								Ca 1	206-C8						
35	ĐH	14	20192ME6041005	Vật liệu học	2	41	35	N2	Đ.N.TÚ	25/05-31/05	TB										Ca 1	206-C8				
36	ĐH	14	20192ME6041006	Vật liệu học	2	41	33	N1	Đ.N.TÚ	25/05-31/05	TB								Ca 2	206-C8						
37	ĐH	14	20192ME6041006	Vật liệu học	2	41	33	N2	Đ.N.TÚ	25/05-31/05	TB											Ca2	206-C8			
38	ĐH	14	20192ME6041003	Vật liệu học	2	41	34	N2	P.V.LIỆU	25/05-31/05	TB							Ca 1	206-C8							
39	ĐH	14	20192ME6041004	Vật liệu học	2	41	35	N2	P.V.LIỆU	25/05-31/05	TB							Ca 2	206-C8							
40	CĐ	20	20192ME5035001	CAD-3D	2	41	35	N1	Đ.V.TRƯỜNG	25/05-31/05	TB					Ca3	306-A10									
41	CĐ	20	20192ME5035001	CAD-3D	2	41	18	N2	Đ.V.TRƯỜNG	25/05-31/05	TB							Ca2	313-A10							
42	CĐ	21	20192ME5016001	CAD	2	41	28	N1	N.T.TÙNG	25/05-31/05	TB							Ca 3	306-A10							

43	CĐ	21	20192ME5016001	CAD	2	41	27	N2	N.T.TÙNG	25/05-31/05	TB							Ca 3	306-A10								
44	CĐ	21	20192ME5016003	CAD	2	41	43	N2	N.M.QUANG	25/05-31/05	TB														Ca 3	307-A10	
45	CĐ	K20	ME5045.3	TH RBCN	HK2	41	35	N 1	P.T.HÙNG	25/05-31/05	CĐT			CA1	P.201-A10												
46	CĐ	K20	ME5045.3	TH RBCN	HK2	41	35	N 2	P.T.HÙNG	25/05-31/05	CĐT							Ca2	P.201-A10								
47	CĐ	K20	ME5045.3	TH RBCN	HK2	41	35	N 1	P.T.HÙNG	25/05-31/05	CĐT							Ca1	P.201-A10								
48	CĐ	K20	ME5045.3	TH RBCN	HK2	41	35	N 2	P.T.HÙNG	25/05-31/05	CĐT												Ca2	P.201-A10			
49	CĐ	K20	ME5045.3	TH RBCN	HK2	41	35	N 1	P.T.HÙNG	25/05-31/05	CĐT												Ca1	P.201-A10			
50	CĐ	K20	ME5045.2	TH RBCN	HK2	41	33	N 1	N.X.THUẬN	25/05-31/05	CĐT			Ca2	P.201-A10												
51	CĐ	K20	ME5045.2	TH RBCN	HK2	41	32	N 2	N.X.THUẬN	25/05-31/05	CĐT			Ca3	P.201-A10												
52	CĐ	K20	ME5045.2	TH RBCN	HK2	41	33	N 1	N.X.THUẬN	25/05-31/05	CĐT					Ca2	P.201-A10										
53	CĐ	CĐ-K21	20192ME5004001	CBHTD	HK2	41	30	N1	L.V.NGHĨA	25/05-31/05	CĐT																
54	CĐ	CĐ-K21	20192ME5004001	CBHTD	HK2	41	30	N2	L.V.NGHĨA	25/05-31/05	CĐT																
55	CĐ	CĐ-K21	20192ME5004003	CBHTD	HK2	41	30	N1	L.N.DUY	25/05-31/05	CĐT			Ca1	P.203-A10												
56	CĐ	CĐ-K21	20192ME5004003	CBHTD	HK2	41	30	N2	L.N.DUY	25/05-31/05	CĐT			Ca2	P.203-A10												
57	CĐ	CĐ-K21	20192ME5004002	CBHTD	HK2	41	23	N1	B.T.LÂM	25/05-31/05	CĐT	Ca1	P.203-A10							Ca1	P.203-A10						
58	CĐ	CĐ-K21	20192ME5004002	CBHTD	HK2	41	23	N2	B.T.LÂM	25/05-31/05	CĐT	Ca2	P.203-A10							Ca2	P.203-A10						

* Ghi chú:

Các lớp đại học và cao đẳng khóa 18:

- Ca 1 từ 7h đến 11h30'
- Ca 2 từ 12h30' đến 17h0'
- Ca 3 từ 17h30' đến 21h45'

Các lớp cao đẳng khóa 20, 21:

- Ca 1 từ 7h đến 12h0'
- Ca 2 từ 12h30' đến 17h30'
- Ca 3 từ 17h30' đến 21h45'